GV: PHẠM THỊ TƠ

Email: tohoangvanthu@gmail.com

PHÒNG GD – ĐT

**TRƯỜNG THCS**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 6**

**thời gian làm bài: 90 phút**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **5** | **1** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | **12,5** | **12,5** | **7,5** | **27,5** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.- Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật. | 5 TN | 3TN, 1TL | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN, 1TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD - ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: Ngữ Văn – Lớp 6**  **Thời gian**: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN ỐC SÊN

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!”

“Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh” - Ốc sên mẹ nói.

“Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

“ Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy.”

“Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?”

“Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy”.

Ốc sên con bật khóc, nói: “Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta.”

“Vì vậy mà chúng ta có cái bình!” - Ốc sên mẹ an ủi con :“Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta.”

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

**Câu 1**. “Câu chuyện ốc sên” được viết theo thể loại nào?

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại .

C. Truyện truyền thuyết. D. Truyện thần thoại.

**Câu 2**. Truyện được kể bằng lời của ai?

A. Lời của ốc sên con. B. Lời của ốc sên mẹ.

C. Lời của người kể chuyện. D. Lời của ốc sên mẹ và ốc sên con.

**Câu 3.** Câu chuyện có mấy nhân vật chính?

A. Một. B. Hai. C. Ba. D. Bốn.

**Câu 4**. Qua câu nói của ốc sên con “Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?" em thấy ốc sên con là một nhân vật có đức tính gì ?

1. Ghen tị, so bì.
2. Tò mò, thích khám phá.
3. Quan tâm đến người khác.
4. Dựa dẫm vào người khác.

**Câu 5**. Vì sao ốc sên con lại bật khóc và cảm thấy mình đáng thương?

A. Vì phải đeo cái bình vừa nặng, vừa cứng trên lưng.

B. Vì cơ thể không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò.

C. Vì không được bầu trời bảo vệ, lòng đất cũng chẳng che chở.

D. Vì Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh.

**Câu 6**. Em hiểu thế nào về câu nói của ốc sên mẹ: “Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta phải dựa vào chính bản thân chúng ta”?

A. Chúng ta phải tin vào chính bản thân mình, biết trân trọng, yêu quý.

B. Không nên tị nạnh, so đo với người khác và cũng chẳng phải dựa vào ai.

C. Chúng ta phải tin rằng mình có nhiều đặc điểm mà người khác không có được.

D. Biết chấp nhận hoàn cảnh, cố gắng vươn lên, dựa vào sức mạnh của chính mình.

**Câu 7**. Đoạn văn “Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!” có mấy cụm danh từ ?

A. Một cụm danh từ. B. Hai cụm danh từ.

C. Ba cụm danh từ. D. Bốn cụm danh từ.

**Câu 8**: Ốc sên đã tự so sánh mình với những ai?

A. Với mẹ ốc sên. B. Với giun đất và bướm.

C. Với sâu róm và bướm. D. Với giun đất và sâu róm.

**Câu 9**: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn văn :

Ốc sên con bật khóc, nói: “Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta.”

**Câu 10:** Từ câu chuyện ốc sên, em rút ra cho mình những bài học nào?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mà em nhớ mãi (một chuyến tham quan, một lần mắc lỗi, hay một việc có ý nghĩa…)

------------------------- Hết -------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|
| **9** | * Biện pháp tu từ trong câu văn trên là nhân hóa: ốc sên con, bật khóc, nói, đáng thương, che chở. * Tác dụng:   + Tăng tính gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, làm cho câu văn hay hơn, hấp dẫn hơn, sinh động hơn, có hồn hơn, gần gũi với con người hơn.  + Làm cho ốc sên trở nên gần gũi với con người hơn cũng biết bật khóc, biết nói, biết che chở, cũng có tình cảm cảm xúc như con người. | 0,25  0,25  0,5 |
| **10** | Gợi ý: HS cần nêu được những bài học cụ thể cho bản thân như:  - Phải biết chấp nhận nó và nỗ lực vượt qua bằng chính sức mạnh của mình.  - Hãy tự lập trong cuộc sống của mình ; đừng dựa dẫm, ỷ lại, trông chờ vào người khác.  -Biết trân trọng những gì mình đang có, không nên so đo tị nạnh với người khác | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | 4,0 |
|  |  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự | 0,25 |
|  |  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Kể lại một trải nghiệm của bản thân mà em nhớ mãi (một chuyến tham quan, một lần mắc lỗi, hay một việc có ý nghĩa…). | 0,25 |
|  |  | c. Kể lại trải nghiệm  HS có thể triển khai trải nghiệm của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  |  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: mở đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc chung về trải nghiệm, rút ra được ý nghĩa sự quan trọng của trải nghiệm với người viết. | 3,0 |
|  |  | d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |
|  |  | **\*Cách cho điểm:**  - Bài viết đúng trải nghiệm, đúng ngôi kể, bố cục rõ ràng, kể chân thực sâu sắc, diễn đạt tốt, bài viết có sự sáng tạo, có yếu tố miêu tả, xúc động cho từ 3,75->4 điểm.  - Bài viết đúng trải nghiệm, đúng ngôi kể, bố cục đủ 3 phần, diễn đạt khá, bài viết có yếu tố miêu tả, có cảm xúc cho từ 3->3,5 điểm.  - Bài viết đúng trải nghiệm, đúng ngôi kể, bố cục đủ 3 phần, diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng, bài viết đã có yếu tố miêu tả, có cảm xúc cho từ 2  ->2,75 điểm.  - Bài viết đúng trải nghiệm, đúng ngôi kể, bố cục chưa đầy đủ , diễn đạt nhiều chỗ lủng củng cho từ 0,5->1,75điểm.  - Bài viết lạc đề không cho điểm |  |